

THÔNG BÁO

Thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công tháng 9 năm 2024

Căn cứ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, cung cấp Dịch vụ công.

Qua tổng hợp, thống kê các dữ liệu của Bộ chỉ số trên Cổng dịch vụ công quốc gia (<https://quantri.dichvucong.gov.vn>; tại thời điểm xuất dữ liệu vào ngày 30/9/2024), Văn phòng UBND tỉnh thông báo như sau:

I. Các chỉ tiêu báo cáo theo Quyết định số 766/QĐ-TTg

Tính đến 30/9/2024, Bình Phước đạt 86,66, tiếp tục giữ vị trí thứ 04/63 cả nước (tăng 0,18 điểm so với tháng 8 đạt 86,48/100 điểm).

1. Về kết quả thực hiện Bộ chỉ số 766 cấp sở

STT	Chỉ số	Đơn vị	Điểm số			Xếp hạng		
			Tháng 8/2024 Điểm số/Tỷ lệ	Tháng 9/2024 Điểm số/Tỷ lệ	Tăng/Giảm	T8/2024	T9/2024	Tăng/Giảm
1	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	91.37	91,38	0.01	1	4	-3
2	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Ngoại vụ	91.28	91,28	-	2	1	1
3	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	91.08	91	-0.08	3	2	1
4	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Y tế	90.73	90,84	0.11	4	3	1
5	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Khoa học và Công nghệ	90.03	89,89	-0.14	5	6	-1
6	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Tư pháp	89.68	89,53	-0.15	6	5	1
7	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Thông tin và Truyền thông	86.41	88,26	1.85	7	7	Giữ vị trí
8	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Tài nguyên và Môi trường	85.66	85,23	-0.43	8	8	Giữ vị trí
9	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Công Thương	84.32	83,85	-0.47	9	9	Giữ vị trí
10	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Giáo dục và Đào tạo	83.42	83,44	0.02	10	11	-1
11	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Xây dựng	83.35	83,58	0.23	11	10	1
12	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Kế hoạch và Đầu tư	79.36	79,8	0.44	12	13	-1
13	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	79.12	79,12	-	13	12	1
14	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Ban Quản lý Khu Kinh tế	77.7	78	0.30	14	14	Giữ vị trí
15	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Nội vụ	66.30	66,13	-0.17	15	15	Giữ vị trí
16	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Giao thông vận tải	62.71	62,58	-0.13	16	16	Giữ vị trí
17	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Ban Dân tộc	32	32	-	17	17	Giữ vị trí
18	Tổng hợp Bộ chỉ số 766	Sở Tài chính	32	32	-	18	18	Giữ vị trí

2. Về kết quả thực hiện Bộ chỉ số 766 cấp huyện

STT	Đơn vị	Điểm đánh giá			Xếp hạng		
		Điểm số/Tỷ lệ T8/2024	Điểm số/Tỷ lệ T9/2024	Tăng/Giảm	T8/2024	T9/2024	Tăng/Giảm
1	UBND thị xã Phước Long - tỉnh Bình Phước	88.86	88,98	0.12	4	1	3
2	UBND huyện Hớn Quản - tỉnh Bình Phước	89.74	88,7	-1.04	2	2	Giữ vị trí
3	UBND huyện Lộc Ninh - tỉnh Bình Phước	88.3	88,47	0.17	5	3	2
4	UBND thành phố Đồng Xoài - tỉnh Bình Phước	89.63	88,41	-1.22	3	4	-1
5	UBND thị xã Chơn Thành - tỉnh Bình Phước	87.11	82,06	-5.05	6	5	1
6	UBND huyện Phú Riềng - tỉnh Bình Phước	91.07	79,35	-11.72	1	6	-5
7	UBND huyện Bù Đăng - tỉnh Bình Phước	81.11	77,7	-3.41	10	7	3
8	UBND thị xã Bình Long - tỉnh Bình Phước	82.75	76,47	-6.28	9	8	1
9	UBND huyện Đồng Phú - tỉnh Bình Phước	85.09	75,91	-9.18	8	9	-1
10	UBND huyện Bù Gia Mập - tỉnh Bình Phước	85.56	74,61	-10.95	7	10	-3
11	UBND huyện Bù Đốp - tỉnh Bình Phước	80.93	70,41	-10.52	11	11	Giữ vị trí

(Trong tháng 9/2024, Hệ thống Báo cáo Chính phủ và Dịch vụ công quốc gia tổng hợp số liệu TTHC của các Chi nhánh Văn phòng ĐKDD cấp huyện tính vào số liệu TTHC của Văn phòng ĐKDD tỉnh nên có một số tiêu chí của cấp huyện có giảm so với tháng 8/2024).

3. Kết quả xử lý, giải quyết hồ sơ, TTHC trên DVC tỉnh

Đơn vị giải quyết TTHC	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
	Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
		Số ký trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Đúng và trước hạn	Quá hạn	Tổng số	Chưa đến	Quá hạn	
Tỉnh Bình Phước	53119	17760	35359	35863	35773	90	16940	16927	13	

* Tỷ lệ hồ sơ đúng hạn là 99,81%; hồ sơ quá hạn chiếm **0,19%**

Trong đó, có 38 đơn vị có hồ sơ xử lý trễ hạn, cụ thể như sau

STT	Đơn vị giải quyết TTHC	Số hồ sơ nhận giải quyết			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số ký trước chuyển qu	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Đúng và trước hạn	Quá hạn	Tổng số	Chưa đến	Quá hạn	
1	-- Sở Giáo dục và Đào tạo	154	50	104	89	88	1	65	65	0	
2	-- Sở Công thương	1900	4	1896	1893	1890	3	7	7	0	
3	-- Sở Giao thông Vận tải	312	175	137	135	131	4	177	177	0	
4	-- Sở Tài nguyên và Môi Trường	212	120	92	35	34	1	177	170	7	
5	-- Thành phố Đồng Xoài	349	252	97	135	134	1	214	214	0	
6	--- Phường Tân Đồng	251	5	246	248	247	1	2	2	0	
7	--- Phường Tân Bình	114	12	102	109	108	1	3	3	0	
8	-- Huyện Đồng Phú	338	204	134	182	174	8	156	156	0	
9	-- CN VPDK Đất đai Đồng Phú	4490	2425	2065	2134	2122	12	2355	2355	0	
10	--- Xã Tân Tiến	95	7	88	90	89	1	5	4	1	
11	--- Xã Tân Lập	52	9	43	42	40	2	10	9	1	
12	--- Xã Đồng Tiến	70	4	66	63	61	2	7	7	0	
13	--- Xã Thuận Phú	167	8	159	157	156	1	10	10	0	
14	-- Thị xã Chơn Thành	497	165	332	314	313	1	182	182	0	
15	-- CN VPDK Đất đai Chơn Thành	2933	785	2148	2124	2123	1	806	806	0	
16	--- UBND Phường Minh Hưng	503	4	499	494	493	1	9	9	0	
17	--- CN VPDK Đất đai Phước Long	1170	251	919	933	932	1	237	237	0	
18	--- UBND xã An Khương	61	11	50	50	49	1	11	11	0	
19	--- UBND TT Tân Khai	82	2	80	73	72	1	9	9	0	
20	--- UBND xã Thanh Bình	146	1	145	142	140	2	3	3	0	
21	--- UBND xã Phước An	58	6	52	53	51	2	4	4	0	
22	-- Huyện Phú Riềng	1248	1211	37	184	179	5	1062	1062	0	
23	--- CN VPDK Đất đai Phú Riềng	2348	801	1547	1611	1607	4	736	736	0	
24	--- UBND Xã Long Bình	160	11	149	159	157	2	1	1	0	
25	--- UBND Xã Phước Tân	83	0	83	79	76	3	4	4	0	
26	--- CN VPDK Đất đai Bù Đốp	1627	496	1131	1085	1083	2	538	538	0	
27	-- Huyện Bù Gia Mập	921	611	310	312	310	2	609	607	2	
28	--- UBND Xã Đức Hạnh	25	1	24	24	18	6	1	1	0	
29	--- UBND Xã Phú Nghĩa	64	2	62	63	59	4	1	1	0	
30	-- Huyện Lộc Ninh	683	586	97	323	321	2	360	360	0	
31	--- UBND xã Lộc Điền	90	5	85	84	81	3	6	6	0	
32	--- UBND xã Lộc Thành	55	4	51	51	50	1	4	3	1	
33	--- UBND xã Lộc Tấn	158	7	151	152	151	1	6	6	0	
34	--- UBND xã Lộc An	51	11	40	41	39	2	10	10	0	
35	--- UBND xã Lộc Thạnh	49	4	45	49	48	1	0	0	0	
36	--- UBND xã Lộc Hòa	70	2	68	70	69	1	0	0	0	
37	--- UBND TT Lộc Ninh	212	8	204	202	201	1	9	9	0	
38	--- UBND thị trấn Đức Phong	179	3	176	170	168	2	8	8	0	
	Tổng	53119	17760	35359	35863	35773	90	16940	16927	13	

II. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 9/2024

1. Tiến độ thực hiện nhiệm vụ do Tỉnh ủy giao

Tổng số nhiệm vụ	Hoàn thành	Đang triển khai thực hiện	Quá hạn, chưa thực hiện	Ghi chú
10	0	08	02	

(Chi tiết có phụ lục 1 đính kèm)

2. Tiến độ thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

Tổng số nhiệm vụ	Nhiệm vụ đúng hạn	Nhiệm vụ hoàn thành trễ hạn	Trong hạn đang thực hiện	Quá hạn, chưa hoàn thành
150	102	07	16	25

(Chi tiết có phụ lục 2,3 đính kèm)

II. Giải pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC tháng 10/2024

Để hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu được giao về cải cách TTHC năm 2024, Văn phòng UBND tỉnh đề nghị các đơn vị, địa phương quan tâm phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ sau:

1. Đề nghị các sở, ngành và địa phương tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ cải cách hành chính nói chung, cải cách thủ tục hành chính nói riêng đảm bảo đúng quy định. Trong đó, cần chú ý chỉ đạo, kiểm tra về tiến độ giải quyết công việc còn tồn đọng quá hạn chưa xử lý; thực hiện nghiêm việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ, thủ tục hành chính, đồng bộ hồ sơ TTHC lên hệ thống; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ số hóa hồ sơ, thanh toán trực tuyến... nhằm đảm bảo thực hiện đạt và vượt các chỉ tiêu được Chủ tịch UBND tỉnh giao tại Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 16/01/2024 về việc thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số năm 2024.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường khẩn trương tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên quan theo Quyết định số 1357/QĐ-UBND ngày 30/8/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết

của ngành Tài nguyên và Môi trường trên địa bàn tỉnh; đồng thời, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tiến hành cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính về đất đai lên Cổng DVC tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các sở, ngành rà soát việc cập nhật dữ liệu thủ tục hành chính để đồng bộ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia về thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công đảm bảo chính xác để các đơn vị theo dõi thực hiện./.

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các phòng, ban, trung tâm;
- Lưu VT.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**